

Bản án số: 31/2024/DS-ST
Ngày: 23-8-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Ứng Cương
- Ông Nguyễn Văn Kiện

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Huỳnh Hữu Nh, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Trần Văn Th và anh Huỳnh Hữu Nh - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Từ ngày 15-6-2022 đến ngày 22-9-2022, chị Nguyễn Thị Ánh L có vay của anh Th nhiều lần với tổng số tiền gốc là 106.000.000 đồng, tiền lãi thỏa thuận miệng là 60.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Trong số tiền vay gốc 106.000.000 đồng thì anh Th chỉ lấy tiền lãi trên số tiền gốc 60.000.000 đồng, do số tiền này là anh Th hỏi vay từ người khác giùm cho chị L. Khi vay tiền, chị L thỏa thuận trong thời gian 01 tháng chị sẽ trả lại tiền gốc nhưng đến nay chị L không thực hiện như đã thỏa thuận. Từ khi vay tiền cho đến nay chị L chỉ trả cho anh Th được 2.000.000 đồng tiền lãi. Do không trả tiền gốc và cũng không trả lãi nên anh Th có nhiều lần đến nhà chị L yêu cầu trả tiền, chị L hứa hẹn nhưng vẫn không trả. chị L có làm biên nhận với anh Th về việc còn nợ anh Th số tiền 106.000.000 đồng. Trong số tiền chị L còn thiếu anh Th 106.000.000 đồng thì bao gồm số tiền 5.000.000 đồng, 01 dây chuyền vàng 18k (01 chỉ) và 01 đôi bông vàng 18k là do anh Th đưa cho chị Nguyễn Thị Cẩm V (bạn gái anh Th), chị V đưa lại cho chị L mượn, sau đó chị L và anh Th đã thống nhất quy đổi thành tiền là 12.000.000 đồng.

Nay anh Th yêu cầu chị L trả cho anh Th số tiền vay gốc là 106.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền gốc 90.000.000 đồng theo quy định pháp luật kể từ ngày 22-11-2022 cho đến ngày xét xử. anh Th xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 21.000.000 đồng. Đối với số tiền chị L mượn anh Th 5.000.000 đồng và số tiền vàng mà anh Th đưa chị V, chị V cho chị L mượn quy đổi là 12.000.000 đồng thì anh Th không yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh L trình bày tại Tòa án:

Từ ngày 15-6-2022 đến ngày 22-9-2022, chị L có vay của anh Th nhiều lần với tổng số tiền gốc là 90.000.000 đồng, tiền lãi thỏa thuận miệng là 60.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Từ khi vay tiền cho đến ngày 22-11-2022 chị L đã trả lãi cho anh Th nhiều lần nhưng không nhớ là đã trả lãi được bao nhiêu và anh Th cũng không làm biên nhận cho chị L. Sau đó, do hoàn cảnh khó khăn nên chị không có tiền để trả lãi cũng như trả nợ gốc cho anh Th nữa. Ngoài số tiền 90.000.000 đồng vay anh Th ra thì chị còn mượn của anh Th 9.000.000 đồng và đã trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 4.000.000 đồng. Bên cạnh đó, chị L còn mượn tiền và vàng của chị Nguyễn Thị Cẩm V gồm 5.000.000 đồng, 01 dây chuyền vàng 18k (01 chỉ) và 01 đôi bông vàng 18k, lúc đó chị V có hứa là khi nào chị V chia tay với anh Th thì chị V sẽ cho chị L số tiền và vàng mà chị L đã mượn chị V. Đến khi chị V chia tay với anh Th thì anh Th đòi số tiền và vàng trên nên chị L cũng đồng ý trả tiền và vàng cho anh Th và quy đổi ra thành số tiền 12.500.000 đồng, anh Th tính chẵn là 12.000.000 đồng.

Chị L thống nhất hiện nay chị còn nợ anh Th tổng cộng là 106.000.000 đồng và đồng ý trả cho anh Th số tiền trên nhưng chị L xin anh Th không tính lãi suất và

yêu cầu được trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 106.000.000 đồng.

Tại phiên tòa chị L vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Cẩm V trình bày tại Tòa án:* Số tiền 5.000.000 đồng, 01 dây chuyền vàng 18k (01 chỉ) và 01 đôi bông vàng 18k là của anh Trần Văn Th đưa cho chị V, chị V cho chị L mượn, khi đó chị có nói với chị L là tiền của anh Th, còn vàng là anh Th tặng chị đôi bông, còn dây chuyền tặng cho con của chị. Do chị L có mai mối chị với anh Th nên khi cho mượn tiền và vàng chị có hứa với chị L nếu chị thành với anh Th thì chị cho chị L số tiền 5.000.000 đồng, còn vàng thì phải trả lại cho chị. Sau đó, chị và anh Th chia tay, chị có đòi chị L số tiền vàng trên nhiều lần nhưng chị L không chịu trả cho chị. Khi chị cho chị L mượn tiền vàng thì không có viết biên nhận, thời gian sau chị nghe anh Th nói chị L có viết biên nhận cho anh Th và quy đổi vàng thành tiền tổng cộng là 12.500.000 đồng và anh Th tính chẵn 12.000.000 đồng. Số tiền và vàng chị cho chị L mượn là của anh Th và hiện nay chị đã chia tay với anh Th nên anh Th có quyền đòi chị L trả nợ cho anh Th, chị không liên quan đến số tiền vàng này nữa. chị V đồng ý cho anh Th kiện đòi chị L số tiền 12.000.000 đồng và cũng đồng ý cho chị L trả số tiền 12.000.000 đồng cho anh Th.

Tại phiên tòa chị V có đơn xin vắng mặt.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Th đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 03-11-2023 anh Trần Văn Th có đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Ánh L yêu cầu chị L trả cho anh số tiền vay gốc 106.000.000 đồng và tiền lãi là 21.000.000 đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh L không có mặt theo Thông báo về việc tiếp tục mở phiên tòa xét xử vụ án dân sự và Quyết định

hoãn phiên tòa của Tòa án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Cẩm V có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt các đương sự trên. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 21.000.000 đồng, nguyên đơn chỉ yêu cầu chị L trả số tiền gốc 106.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng từ ngày 22-11-2022 cho đến ngày xét xử và trừ lại số tiền lãi đã nhận là 2.000.000 đồng, Tòa án nhận thấy:

Số tiền 106.000.000 đồng anh Th kiện chị L đã được chị L thừa nhận tại Tòa án là từ ngày 15-6-2022 đến ngày 22-11-2022 chị L có vay của anh Th nhiều lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Sau đó, chị L còn mượn của anh Th 9.000.000 đồng, đã trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 4.000.000 đồng. Ngoài ra, chị L còn mượn chị V 5.000.000 đồng, 01 dây chuyền vàng 18k (01 chỉ) và 01 đôi bông vàng 18k là do anh Th đưa cho chị V, chị V đưa lại cho chị L mượn, chị L và anh Th đã thống nhất quy đổi thành tiền là 12.000.000 đồng. Quá trình làm việc tại Tòa án chị V đồng ý cho chị L trả anh Th số tiền trên và chị L cũng chấp nhận trả số tiền 12.000.000 đồng cho anh Th. chị L thống nhất trả cho anh Th số tiền nợ gốc là 106.000.000 đồng nhưng yêu cầu được trả hàng tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và yêu cầu anh Th không tính lãi suất nữa. anh Th không đồng ý với yêu cầu của chị L.

Do đó, việc anh Th yêu cầu chị L trả số tiền vay gốc 106.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của anh Th về việc tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vay gốc 90.000.000 đồng từ ngày 22-11-2022 cho đến ngày xét xử và đồng ý trừ lại số tiền lãi anh Th đã nhận của chị L là 2.000.000 đồng:

Chị L trình bày thời gian từ ngày 15-6-2022 đến ngày 22-11-2022 chị có đóng tiền lãi cho anh Th nhưng không nhớ là đã đóng được bao nhiêu tiền và chị L cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc đóng tiền lãi. Do đó, không có cơ sở để xem xét về số tiền lãi mà chị L đã đóng cho anh Th. anh Th thừa nhận có nhận tiền lãi do chị L đóng là 2.000.000 đồng và đồng ý trừ vào tiền lãi theo quy định pháp luật là phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

Do trong biên nhận vay tiền giữa anh Th và chị L không thể hiện rõ lãi suất thỏa thuận là bao nhiêu nên mức lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là $10\%/năm = 0,833\%/tháng$. Tiền lãi được tính như sau:

Số tiền vay gốc 90.000.000 đồng tính lãi từ ngày 22-11-2022 đến ngày xét xử 23-8-2024 là 21 tháng 01 ngày, anh Th thống nhất tính tròn 21 tháng, tiền lãi là: $90.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 21 \text{ tháng} = 15.743.700 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu trả nợ có thời hạn của các đương sự không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị Ánh L về số tiền lãi 21.000.000 đồng nên HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[5] Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Th; buộc chị Nguyễn Thị Ánh L phải trả cho anh Trần Văn Th số tiền vay gốc 106.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 15.743.700 đồng – 2.000.000 đồng = 13.743.700 đồng, tổng cộng là 119.743.700 đồng.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho anh Th là: $119.743.700 \text{ đồng} \times 5\% = 5.987.185 \text{ đồng}$.

Anh Trần Văn Th không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 3.200.000 đồng cho anh Th theo biên lai thu số 0001124 ngày 07-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Th.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Ánh L phải trả cho anh Trần Văn Th số tiền vay gốc 106.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 13.743.700 đồng, tổng cộng là 119.743.700 đồng (Một trăm mười chín triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24-8-2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Th đối với chị Nguyễn Thị Ánh L về số tiền lãi 21.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ánh L có nghĩa vụ nộp án phí 5.987.185 đồng (Năm triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng).

Anh Trần Văn Th không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) cho anh Th theo biên lai thu số 0001124 ngày 07-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân

